



GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÁC HỘ SẢN XUẤT GẠCH VÀ GỐM TỈNH VĨNH LONG

Nguyễn Thị Mỹ Linh¹ và Võ Thị Thanh Lộc¹

¹ Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận: 24/12/2014

Ngày chấp nhận: 08/06/2015

Title:

Solutions for developing production activities of ceramic and brick producers in Vinh Long Province

Từ khóa:

Phát triển, gạch và gốm, giải pháp, sản xuất và kinh doanh

Keywords:

Development, ceramic and tiles, solutions, production and business

ABSTRACT

Ceramic and brick production and business operations of family-owned companies in Vinh Long Province, the size of Ceramic and brick production is largest in Mekong Delta. However, ceramic and tile producers tend to narrowly generate or stop producing the products due to high competitive pressure of the bricks baked from the oven with closed technological procedures although closed processes have lowered input costs for the producers, the quality and appearance of brick colors are not as perfect as manual based producers from Vinh Long province. The fact is that the manual producing procedure has not changed over the years because of lack of financial supports for reinvesting and improving products' quality. Ceramic and bricks production and business operations of family-owned companies in Vinh Long Province were carefully analyzed depending upon the status of manufacture and consumption of each producer. The status of production addressed prior elements such as the number of workforce, knowledge background of employees, materials (clay and shell grain) and the technology. Besides, the status of consumption generally examines the current products' outlets and the profits earned over the last three years. At the same time, SWOT matrix was also built to identify strengths, weaknesses, opportunities and threats of the presented sector at the moment, so several potential measures may be drawn in order to develop the business and production activities of the producers in the near future.

TÓM TẮT

Vĩnh Long là một trong những tỉnh có ngành thủ công nghiệp gạch và gốm phát triển mạnh, có quy mô lớn nhất khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Tuy nhiên, các hộ sản xuất gạch và gốm hiện nay lâm vào tình trạng trì trệ hoặc ngưng sản xuất do cạnh tranh cao với các sản phẩm gạch được nung từ lò có công nghệ khép kín với chi phí thấp hơn mặc dù chất lượng và màu sắc không đẹp bằng gạch Vĩnh Long; qui trình và công nghệ sản xuất hàng chục năm qua hầu như không có sự đổi mới do doanh nghiệp thiếu tài chính để tái đầu tư cho sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các hộ sản xuất gạch và gốm ở tỉnh Vĩnh Long được đánh giá thông qua thực trạng sản xuất và thực trạng tiêu thụ của hộ. Thực trạng sản xuất bao gồm các yếu tố đầu vào như: số lượng lao động, trình độ lao động, nguyên vật liệu bao gồm đất sét và trấu, công nghệ sản xuất. Thực trạng tiêu thụ đánh giá chung về thị trường tiêu thụ sản phẩm hiện nay và mức lợi nhuận đạt được trong 3 năm gần nhất. Bên cạnh đó, ma trận SWOT được xây dựng để xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, đe dọa của ngành trong thời điểm hiện tại. Từ đó đề xuất giải pháp phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ trong tương lai.

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Nước ta là một nước có diện tích đất nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn là 26,21 triệu ha chiếm khoảng 78% trong tổng diện tích đất (Tổng cục thống kê, 2011). Ngoài việc sử dụng đất để trồng trọt thì đất nông nghiệp còn là một trong những nguyên liệu đầu vào của ngành thủ công nghiệp gạch, gốm - sản phẩm sử dụng cho ngành xây dựng và trang trí. Vĩnh Long là một trong những tỉnh có ngành thủ công nghiệp gạch và gốm phát triển mạnh, có quy mô lớn nhất khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Toàn tỉnh có khoảng 1.113 cơ sở sản xuất gạch, gốm (Quyết định số 1831/QĐ-UBND, 2013). Đặc biệt, gạch và gốm Vĩnh Long có màu đỏ đặc biệt của đất sét nung. Các sản phẩm gốm mang đậm màu sắc dân tộc còn được xuất sang các nước trong khu vực và đã có thương hiệu “gốm đỏ” mà khó có một nơi nào có thể sản xuất được. Từ khi ngành thủ công nghiệp gạch, gốm ra đời đã giải quyết được việc làm cho hàng ngàn lao động, chủ yếu là lao động nghèo có thêm nguồn thu nhập và tích lũy được vốn để kinh doanh. Giai đoạn 2000-2009, hầu hết các hộ gia đình sản xuất gạch, gốm giàu lên nhanh chóng nhờ nhu cầu cao của thị trường. Những năm đó ngành thủ công nghiệp gạch, gốm đóng vai trò là ngành chủ lực của tỉnh Vĩnh Long. Hiện nay, nguồn nguyên liệu đầu vào trở nên đắt đỏ do tài nguyên khan hiếm và cạn kiệt, nguồn nhân công có xu hướng chuyển lên khu vực thành thị để tìm việc làm nên ngày càng gây khó khăn hơn cho nhà sản xuất. Các hộ gia đình sản xuất gạch và gốm lâm vào tình trạng trì trệ hoặc ngưng sản xuất do cạnh tranh cao với các sản phẩm gạch được nung từ lò có công nghệ khép kín với chi phí thấp hơn nhiều mặc dù chất lượng và màu sắc không đẹp bằng gạch Vĩnh Long. Nghề sản xuất gốm cũng không khá hơn so với nghề sản xuất gạch. Nhiều doanh nghiệp cạnh tranh kém phải thu hẹp qui mô sản xuất, chuyển nghề hoặc giải thể. Quy trình và công nghệ sản xuất hàng chục năm qua hầu như không có sự đổi mới do doanh nghiệp thiếu tài chính để tái đầu tư cho sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm. Với những khó khăn trên, việc tìm ra giải pháp phát triển sản xuất kinh doanh của hộ sản xuất gạch, gốm Vĩnh Long là vấn đề hết sức quan trọng.

2 MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

Phân tích thực trạng sản xuất của các hộ sản xuất gạch, gốm tỉnh Vĩnh Long.

Phân tích thực trạng tiêu thụ của các hộ sản xuất gạch, gốm tỉnh Vĩnh Long.

Đề xuất giải pháp phát triển sản xuất kinh doanh của các hộ sản xuất gạch và gốm tỉnh Vĩnh Long thông qua ma trận SWOT.

3 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1 Địa bàn nghiên cứu

Ngành thủ công nghiệp gạch và gốm phát triển mạnh mẽ ở huyện Mang Thít và huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Sản phẩm gốm đồ mỹ nghệ ở huyện Mang Thít đã có mặt trên thị trường thế giới, đặc biệt sản phẩm gốm đồ có mặt tại nhiều nước thuộc Liên minh Châu Âu (EU), Mỹ, Đài Loan, Hồng Kông, Hàn Quốc, Nhật Bản,... (Nguyễn Vũ Thành Đạt, 2014) Các lò sản xuất gạch và gốm đồ mỹ nghệ tập trung ở xã Nhơn Phú, Mỹ An, Mỹ Phước, An Hương,... Ở 2 địa bàn này, ngành nghề gạch và gốm chiếm tỷ lệ hơn 90% nên việc chọn mẫu ở 2 địa bàn này mang tính đại diện cao (Bảng 1).

Bảng 1: Chọn vùng nghiên cứu

Huyện	Hộ sản xuất ở địa phương	Tỷ lệ (%)	Ngành nghề
Mang Thít	486	64,7	Gạch và gốm
Long Hồ	228	30,4	Gạch và gốm
TP.Vĩnh Long	35	4,7	Gạch và gốm
Vùng Liêm	2	0,3	Gạch
Tổng	751	100	

Nguồn: Số liệu phỏng vấn công thương Mang Thít, 2013

3.2 Cơ mẫu

Phương pháp chọn mẫu là phương pháp thuận tiện nghĩa là các đơn vị mẫu được chọn tại một địa điểm và vào một thời gian nhất định. Cách chọn mẫu này không ngẫu nhiên vì không phải tất cả các hộ sản xuất gạch và gốm ở Vĩnh Long đều có xác suất như nhau để được chọn vào mẫu. Tất cả các đối tượng khảo sát đều được tiếp cận và phỏng vấn trực tiếp tại hộ sản xuất để đảm bảo độ tin cậy cao. Riêng các chuyên gia được phỏng vấn trực tiếp tại cơ quan làm việc và tại cuộc họp định kỳ hàng tháng của hiệp hội nghề gạch và gốm tỉnh Vĩnh Long.

Tổng số quan sát mẫu là 107, trong đó có 66 hộ sản xuất gạch, 36 hộ sản xuất gốm (Bảng 2) và 05 chuyên gia là các vị lãnh đạo địa phương.

Bảng 2: Cơ cấu quan sát mẫu

Huyện	Hộ sản xuất ở địa phương	Tỷ lệ (%)	Số quan sát	Ngành nghề
Mang Thít	486	64,7	66	Gạch
Long Hồ, Mang Thít	228	30,4	31	Gốm
TP. Vĩnh Long	35	4,7	5	Gốm
Vùng Liềm	2	0,3	-	Gạch
Tổng	751	100	102	

3.3 Phương pháp thu thập dữ liệu

Dữ liệu thứ cấp

Dữ liệu thứ cấp cần thu thập gồm các đề tài nghiên cứu và các thông tin đã có sẵn trên sách, báo, tạp chí, internet;... các số liệu ở các cơ quan ban ngành như phòng công thương huyện Mang Thít, sở công thương tỉnh Vĩnh Long, phòng quản lý công nghiệp tỉnh Vĩnh Long, hiệp hội nghề gạch và gốm tỉnh Vĩnh Long; các báo cáo của các sở ban ngành các cấp có liên quan ở huyện Mang Thít, huyện Long Hồ và tỉnh Vĩnh Long.

Dữ liệu sơ cấp

Hộ sản xuất: phỏng vấn trực tiếp bằng bảng câu hỏi cấu trúc.

Nhà quản lý, lãnh đạo địa phương: phỏng vấn trực tiếp bằng bảng câu hỏi bán cấu trúc.

3.4 Phương pháp phân tích

Đối với mục tiêu 1 và mục tiêu 2: Sử dụng phương pháp thống kê mô tả như phân phối tần số,

số trung bình, tần suất, tỷ lệ,... để đánh giá thực trạng sản xuất và thực trạng tiêu thụ của hộ sản xuất gạch và gốm tỉnh Vĩnh Long.

Đối với mục tiêu 3: Sử dụng công cụ ma trận SWOT phân tích các điểm mạnh, điểm yếu, nguy cơ, cơ hội của các hộ sản xuất gạch và gốm để đề xuất giải pháp.

4 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

4.1 Thực trạng sản xuất của hộ

4.1.1 Lao động

Sản phẩm gạch và gốm của tỉnh Vĩnh Long không những đáp ứng vật liệu xây cho nhu cầu xây dựng trong tỉnh mà còn phục vụ cho nhu cầu xây dựng ở địa phương và khu vực lân cận. Lao động ngành sản xuất gạch, gốm chủ yếu là lao động thời vụ nên ngành sản xuất gạch, gốm ở địa phương gắn kết chặt chẽ với hoạt động sản xuất nông nghiệp và đã giải quyết tốt việc làm cho lao động lúc nông nhàn, tăng thu nhập và góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Bảng 3: Lao động của hộ sản xuất vào các thời điểm trong năm

Thành phần	Chỉ tiêu	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Lao động nhà	Thời điểm thấp nhất	1	5	2,1	0,9
	Thời điểm phổ biến nhất	1	6	2,3	1,0
	Thời điểm cao nhất	1	6	2,3	1,0
Lao động chính thức	Thời điểm thấp nhất	0	18	3,1	4,0
	Thời điểm phổ biến nhất	0	28	4,2	5,5
	Thời điểm cao nhất	0	35	5,2	7,2
Lao động thời vụ	Thời điểm thấp nhất	2	100	19,3	23,7
	Thời điểm phổ biến nhất	3	180	26,6	34,2
	Thời điểm cao nhất	4	260	36,1	53,3

Nguồn: Số liệu điều tra, 2013

Lao động làm việc ở các hộ chủ yếu là lao động thời vụ và họ được trả lương theo sản phẩm hoặc theo số ngày làm việc. Thời điểm phổ biến nhất trung bình ở các cơ sở là 27 lao động và thời điểm cao nhất là 36 lao động. Việc quản lý cơ sở chủ yếu do lao động nhà đảm nhiệm để đảm bảo tính kịp thời của quá trình sản xuất và đôn đốc lao động làm việc tích cực, chăm chỉ nên lao động nhà trung bình khoản 2 người/hộ. Lao động chính thức

thường được các chủ cơ sở có qui mô lớn thuê vì lao động này sẽ được trả với mức lương cao và cố định. Vì vậy, đòi hỏi lao động phải có tay nghề cao đối với thợ và trình độ chuyên môn cao đối với các đối tượng ở cấp độ quản lý như kế toán, kinh doanh,... Những đối tượng lao động này được ký hợp đồng lao động, được hưởng các khoản bảo hiểm xã hội đầy đủ theo qui định nhà nước.

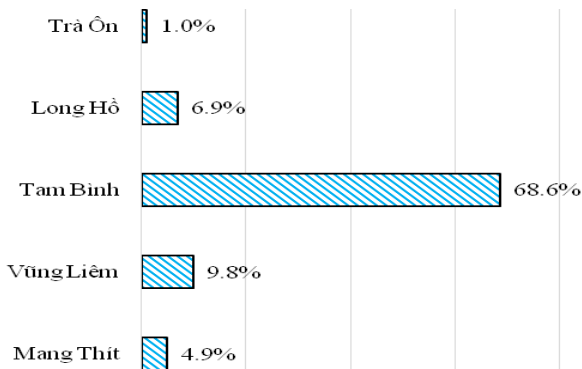
Đặc thù của lao động ở ngành nghề này là trình độ tay nghề và kinh nghiệm làm việc nên trình độ học vấn thường ở mức thấp hơn so với các ngành nghề khác.

Bảng 4: Trình độ học vấn của người lao động ở các hộ sản xuất

Chỉ tiêu	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Lao động mù chữ	0	4	0,16	0,50
Lao động Tiểu học	0	243	33,22	48,43
Lao động THCS	0	86	8,29	11,55
Lao động THPT	0	10	0,87	1,72
Lao động TC trở lên	0	8	0,82	1,66

Nguồn: Số liệu điều tra, 2013

Lao động tiểu học chiếm số lượng cao nhất với trung bình 33 người/hộ, kế đến là lao động THCS trung bình khoảng 8 người/ hộ. Trình độ THPT và Trung cấp trở lên trung bình khoảng 1 người/ hộ. Qua khảo sát cho thấy học vấn của lao động ở các hộ sản xuất gạch và gốm có trình độ thấp vì lao động chủ yếu bằng chân tay, hiệu quả lao động phụ thuộc vào tay nghề và kinh nghiệm. Lao động có trình độ cao (trung cấp trở lên) được sử dụng chủ yếu ở các cơ sở gạch và gốm có quy mô lớn, phụ trách khâu quản lý nhưng số lượng này rất ít, không đáng kể.



Hình 1: Địa điểm trong tỉnh

Nguồn: Số liệu điều tra, 2013

Các địa điểm mà hộ sản xuất gạch và gốm chọn mua nguồn nguyên liệu trong tỉnh là Trà Ôn, Long Hồ, Tam Bình, Vũng Liêm và Mang Thít. Đây là các địa điểm được nhà nước cho phép khai thác đất theo qui định vì trữ lượng sét cao hơn so với địa bàn khác. Huyện Tam Bình là nơi tập trung khai thác đất chiếm tỷ lệ cao nhất (68,6%), vì nơi đây

4.1.2 Nguồn nguyên liệu

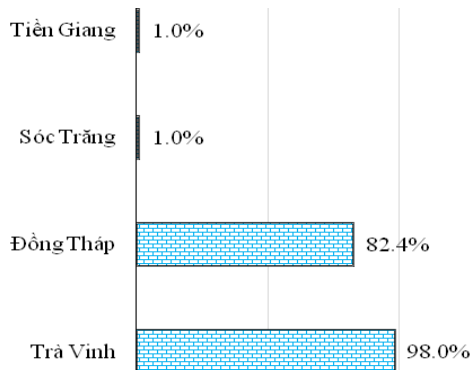
Nguồn nguyên liệu chính để sản xuất ra sản phẩm gạch và gốm là đất sét, riêng đối với sản phẩm gốm, để tạo nên thành phẩm còn sử dụng thêm nguồn nguyên liệu cát. Hiện nay, nguồn tài nguyên đất sét và cát bị khai thác tràn lan kém hiệu quả và đây là nguồn tài nguyên không thể tái tạo được nên việc thu mua nguồn nguyên liệu của hộ khó khăn hơn.

Bảng 5: Tỷ lệ thu mua nguồn nguyên liệu

Nguồn nguyên liệu	Tần số	Tỷ lệ (%)
Trong tỉnh	56	54,9
Đồng bằng sông Cửu Long (khác tỉnh)	102	100

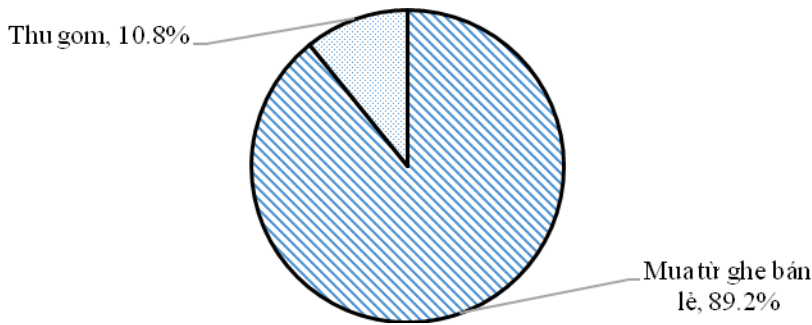
Nguồn: Số liệu điều tra, 2013

Các hộ sản xuất chủ yếu thu mua nguồn nguyên liệu ngoài tỉnh (100%), trong tỉnh chiếm 54,9% do trong tỉnh không đủ nguồn nguyên liệu để cung cấp. Do đặc thù giống nhau về nguồn nguyên liệu sản xuất là đất sét nên địa điểm thu mua nguồn nguyên liệu của các hộ sản xuất gạch và gốm cũng giống nhau. Bên cạnh đó, khu vực được phép khai thác trữ lượng sét phải theo quy định của nhà nước và phải được địa phương cấp phép khai thác.



Hình 2: Địa điểm ngoài tỉnh

được cho là đất có chất lượng tốt và dồi dào. Để đáp ứng đủ yêu cầu sản xuất, hộ sản xuất phải đặt thêm nguồn nguyên liệu ở các tỉnh khác như Tiền Giang, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Trà Vinh. Trong đó, Trà Vinh chiếm tỷ lệ cao nhất là 98% và kế đến là Đồng Tháp 82,4%.



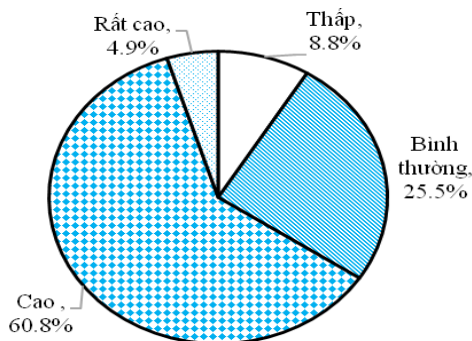
Hình 3: Hình thức thu mua nguồn nguyên liệu

Nguồn: Số liệu điều tra, 2013

Hầu hết các hộ sản xuất gạch và gốm đều thu mua nguồn nguyên liệu từ các ghe bán lẻ ở khắp các nơi, họ kinh doanh chủ yếu dựa vào mối quan hệ và uy tín.

Qua khảo sát, ta thấy có 89,2% các hộ mua nguyên liệu từ các ghe bán lẻ và 10,8% hộ có ghe đi thu gom. Đây là những trường hợp hộ sản xuất với qui mô lớn, sản xuất với số lượng nhiều nên đi thu gom sẽ ít tốn kém chi phí hơn mua qua trung gian bán lẻ.

Do thu mua nguồn nguyên liệu từ nhiều nơi khác nhau nên chất lượng nguồn nguyên liệu cũng khác nhau. Nếu chất lượng nguồn nguyên liệu không tốt sẽ ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm nên việc lựa chọn nguồn nguyên liệu là một yếu tố quan trọng giúp cho hộ sản xuất ra được sản phẩm có chất lượng và bán được giá cao hơn để thu về mức lợi nhuận cao hơn.



Hình 4: Đánh giá chất lượng nguồn nguyên liệu

Nguồn: Số liệu điều tra, 2013

Nguồn nguyên liệu đất sét tốt phải là loại không có sạn, đất mịn và dẻo (theo kết quả khảo sát 2013). Qua khảo sát, khoảng 8,8% hộ cho rằng nguồn nguyên liệu hiện tại cung cấp cho hộ chất

lượng không tốt, 25,5% cho rằng chất lượng nằm ở mức trung bình và 60,8% cho rằng chất lượng vẫn nằm ở mức tốt. Tuy nhiên, hiện nay chất lượng đất sét đã giảm đi rất nhiều so với trước đây do khai thác nhiều, ô nhiễm và không có thời gian để tái tạo.

4.1.3 Công nghệ sản xuất

Về máy móc sử dụng cho hoạt động sản xuất gạch và gốm bao gồm: Máy sản xuất gạch, gốm (cối); xe đẩy; máy bơm nước; thang cuốn; khuôn đúc; xe tải. Riêng đối với việc sản xuất gốm còn sử dụng thêm bàn xoay và máy xoay li tâm. Mặc dù hiện nay đã có một số cơ sở gạch và gốm tiến hành cải tiến công nghệ nhưng nhìn chung công nghệ sản xuất của ngành gạch, gốm vẫn còn lạc hậu, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp, thời gian nung mỗi chu kỳ kéo dài làm tăng chi phí sản xuất và giảm khả năng cạnh tranh so với các lò cải tiến.

Hộ sản xuất gạch sử dụng số cối ít hơn hộ sản xuất gốm, trung bình hộ sản xuất gạch sử dụng khoảng 1 cái nhưng hộ sản xuất gốm thì trung bình sử dụng 5 cái. Tùy vào quy mô lớn nhỏ của hộ mà số lượng xe đẩy được sử dụng khác nhau, hộ sản xuất gạch trung bình có 3 chiếc, hộ sản xuất gốm trung bình có 19 chiếc. Đây là các loại xe có hai bánh chuyên dùng để vận chuyển gạch và gốm ra vào sân phơi và lò nung.

Các hộ sản xuất gạch thường dùng thang cuốn hơn hộ sản xuất gốm vì tiết kiệm được thời gian vận chuyển hơn. Riêng sản phẩm gốm thì phải vận chuyển thủ công bằng sức người để tránh sự va chạm làm bể vỡ hoặc bị cọ xát mất các chi tiết nhỏ trên sản phẩm. Sản phẩm gốm có nhiều kích cỡ và mẫu mã nên số lượng khuôn đúc nhiều hơn, trung bình 4.289 cái còn hộ sản xuất gạch thì trung bình chỉ có 2 cái.

Bảng 6: Máy móc sản xuất của hộ sản xuất gạch, gốm

Loại máy móc	Hộ sản xuất gạch				Hộ sản xuất gốm			
	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Cối	1	2	1,11	0,310	1	12	4,72	3,44
Xe đẩy	3	16	6,53	2,667	3	76	21,00	19,04
Máy bơm nước	0	4	0,53	0,749	0	6	2,08	1,57
Thang cuốn	0	4	0,89	0,704	-	-	-	-
Khuôn đúc	0	8	3,33	1,884	2	20.000	3.122,58	4.288,93
Máy phát điện	0	1	0,03	0,173	-	-	-	-
Xe ba gác	-	-	-	-	0	6	1,78	1,57
Máy xoay li tâm	-	-	-	-	4	60	10,67	12,32
Bàn xoay	-	-	-	-	70	230	127,08	65,86

Nguồn: Số liệu điều tra, 2013

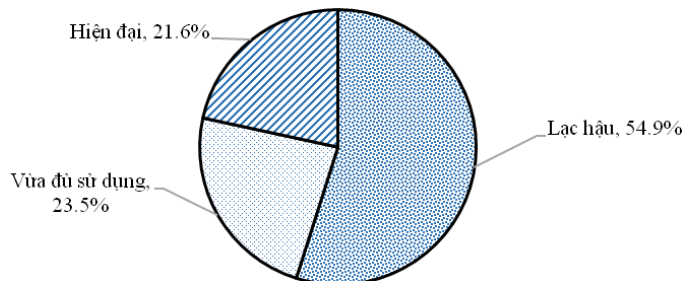
Máy phát điện chỉ sử dụng cho những hộ sản xuất gạch bằng điện. Khi đầu tư loại máy này hộ sẽ tiết kiệm được nhiều chi phí hơn vì theo tính toán của hộ thì chi phí dầu chạy máy đắt hơn chi phí điện sử dụng hàng tháng. Tuy nhiên hiện nay, chi phí đầu tư cho loại cối này tương đối đắt khoảng từ 30-40 triệu/ cối nên các hộ sản xuất ít đầu tư mà chỉ tận dụng máy móc đã có sẵn.

Xe ba gác, máy xoay li tâm, bàn xoay được các hộ sản xuất gốm sử dụng nhiều hơn vì đó là một

trong các công cụ để sản xuất và vận chuyển sản phẩm với số lượng lớn.

Về kỹ thuật và công nghệ sản xuất: Chủ yếu làm thủ công, truyền thống, thời gian nung sản phẩm khoảng 30-45 ngày ra thành phẩm gạch và từ 12- 20 ngày ra thành phẩm gốm tùy vào công suất lò nung (nguồn: số liệu điều tra, 2013).

Tất cả các loại máy móc để phục vụ sản xuất gạch và gốm đều được mua trong nước và do Việt Nam sản xuất (nguồn: số liệu điều tra, 2013).



Hình 5: Đánh giá máy móc sản xuất

Nguồn: Số liệu điều tra, 2013

Sản phẩm thủ công được hộ sản xuất chủ yếu bằng công nghệ cũ nên đa số hộ sản xuất đánh giá là lạc hậu (54,9%); khoản 23,5% cho rằng vừa đủ để sử dụng và 21,6% cho rằng máy móc hiện đại vì theo các hộ này, máy sản xuất gạch trước đây còn lạc hậu hơn và dễ gây ra các tai nạn thương tâm cho người lao động, riêng sản phẩm gốm chủ yếu được in bằng máy thay vì làm bằng tay như trước đây.

Mặc dù đã có một số cơ sở gốm tiến hành cải tiến công nghệ nhưng nhìn chung công nghệ sản

xuất của ngành gạch và gốm còn lạc hậu, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp, thời gian nung mỗi chu kỳ kéo dài làm tăng chi phí sản xuất và giảm khả năng cạnh tranh so với các lò cải tiến. Theo định hướng của nhà nước là phải xoá bỏ lò nung truyền thống theo lộ trình quy hoạch phát triển ngành vật liệu xây dựng của Chính phủ (Quyết định số 1830/QĐ-UBND, 2013).

4.2 Thực trạng tiêu thụ của hộ

Thị trường tiêu thụ sẽ là một thách thức lớn đối với hộ sản xuất gạch và gốm chậm chuyển đổi

công nghệ vì giảm khả năng cạnh tranh về giá thành sản phẩm. Đặc biệt là phải cạnh tranh với các hộ, cơ sở áp dụng công nghệ mới ở miền Đông Nam Bộ như Bình Dương, Tây Ninh, Đồng Nai,... Tình hình kinh tế thế giới có dấu hiệu phục hồi chậm sau suy thoái cũng gây ảnh hưởng đến thị trường tiêu thụ sản phẩm gốm mỹ nghệ xuất khẩu. Hiện nay, các hộ sản xuất gạch đã có bước tiến triển do việc ứng dụng công nghệ lò nung mới nâng cao khả năng cạnh tranh. Theo chủ tịch hiệp hội nghề gạch và gốm thì “ năng suất và chất lượng

gạch lò nung liên hoàn cao hơn lò tròn từ 10-15 lần. Thời gian ra lò chỉ từ 10-12 giờ, tỷ lệ gạch hao vỡ sau nung dưới 1%, trấu chiếm 140-150 g/viên, chỉ bằng 1/4 so với lò tròn, do đó giá thành sản xuất giảm, nâng cao khả năng cạnh tranh” (Mỹ Duyên- Thu Huyền, 2015).

Những năm gần đây, doanh thu của hộ sản xuất gạch, gốm giảm đáng kể, tỷ trọng đóng góp vào nền kinh tế tỉnh nhà thấp hơn so với những năm trước đây.

Bảng 7: Doanh thu và lợi nhuận của hộ sản xuất gạch

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2011	2012	2013	So sánh (%)		
					2012/2011	2013/2011	2013/2012
Doanh thu	Triệu đồng	101.971	46.357	52.594	-54,54	-48,42	13,45
Chi phí	Triệu đồng	80.283	40.468	48.367	-49,59	-39,75	19,52
Lợi nhuận	Triệu đồng	23.699	7.900	6.240	-66,67	-73,67	-21,01
Tỷ suất lợi nhuận	%	0,30	0,20	0,13	-33,87	-56,30	-33,90

Nguồn: Sở công thương, 2013

Doanh thu của hộ sản xuất gạch năm 2012 so với năm 2011 giảm 54,54% và năm 2013 giảm 48,42%. Lợi nhuận của hộ năm 2012 giảm 66,67% và năm 2013 giảm đến 73,67% so với năm 2011. Doanh thu và lợi nhuận giảm nên tỷ suất lợi nhuận của hộ cũng giảm, năm 2012 giảm 33,87%, năm 2013 giảm 56,3%. Bên cạnh đó, năm 2013 doanh thu của hộ sản xuất gạch tăng đột biến so với năm 2012 (6.237 triệu đồng tương đương 13,45%). Nguyên nhân là do giá cả nguyên vật liệu đầu vào

tăng cao hơn năm 2012 nên doanh thu và chi phí của hộ tăng nhưng lợi nhuận của hộ lại giảm (1.660 triệu đồng tương đương 21%) vì bán không được giá hoặc sản phẩm bị tồn kho. Do đó, tỷ suất lợi nhuận năm 2013 so với năm 2012 cũng giảm (33,9%). Thời điểm hiện tại hầu như các hộ sản xuất gạch đã ngưng hoạt động vì giá cả nguồn nguyên liệu đầu vào tăng cao và không ổn định khiến cho quá trình sản xuất và tiêu thụ trở nên khó khăn.

Bảng 8: Doanh thu và lợi nhuận của hộ sản xuất gốm

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2011	2012	2013	So sánh (%)		
					2012/2011	2013/2011	2013/2012
Doanh thu	Triệu đồng	859.743	632.895	863.508	-26,39	0,44	36,44
Chi phí	Triệu đồng	789.609	594.338	844.604	-24,73	6,96	42,11
Lợi nhuận	Triệu đồng	70.134	38.558	18.904	-45,02	-73,05	-50,97
Tỷ suất lợi nhuận	%	0,09	0,06	0,02	-26,96	-74,80	65,5%

Nguồn: Sở công thương, 2013

So với sản phẩm gạch, năm 2013 thu nhập ngành gốm có tăng hơn so với năm 2011 nhưng kéo theo đó chi phí cũng tăng cao hơn nên làm cho mức lợi nhuận còn lại thấp. Năm 2012 doanh thu giảm 26,39%, tỷ suất lợi nhuận giảm 26,96%, đến năm 2013 doanh thu có tăng nhẹ là 0,44% nhưng tỷ suất lợi nhuận lại giảm mạnh 74,8%. Bên cạnh đó, ta thấy năm 2013 doanh thu của hộ sản xuất gốm cũng tăng đột biến so với năm 2012 (36,4%), nguyên nhân cũng giống như sản phẩm gạch là do giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng cao hơn năm 2012 nên doanh thu của hộ tăng, chi phí tăng nên lợi nhuận của hộ lại giảm 50,97% so với năm 2012

vì bán không được giá. Do đó, tỷ suất lợi nhuận năm 2013 so với năm 2012 cũng giảm (65,5%). Việc kinh doanh không hiệu quả liên quan nhiều đến sức mua của thị trường và cạnh tranh cao với các sản phẩm cùng loại nhưng giá cả rẻ hơn.

Ta thấy doanh thu và lợi nhuận của hộ sản xuất gốm cao hơn rất nhiều so với doanh thu và lợi nhuận của hộ sản xuất gạch. Cùng nguyên liệu và công nghệ sản xuất nhưng xét về qui mô thì hộ sản xuất gốm có chi phí đầu tư cao hơn hộ sản xuất gạch và giá bán mỗi sản phẩm gốm cũng cao hơn sản phẩm gạch vì có độ tinh xảo hơn.

4.3 Giải pháp phát triển hoạt động sản xuất gạch và gốm

Ngành gạch và gốm có rất nhiều đặc điểm chung như: nguồn nguyên liệu đầu vào, lao động chân tay, công nghệ sản xuất lạc hậu, quy mô nhỏ lẻ,... Bên cạnh đó, các hộ sản xuất gốm vẫn sản xuất gạch do đặc thù của ngành nên sự khó tách biệt giữa các hộ sản xuất gạch và gốm là khó khăn. Giải pháp được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích thực tế các hộ sản xuất gạch và gốm như trong Bảng 9. Trong đó:

– Giải pháp công kích:

(1) Mở rộng thị trường: Thị trường gạch và gốm còn rất lớn, tổng nhu cầu gạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long dự báo đến năm 2015 khoảng 6,5 tỷ viên (theo số liệu của Bộ Xây dựng), thị trường Châu Âu ưa chuộng sản phẩm gốm do Vĩnh Long nhưng do hạn chế về nhân lực, kinh phí nên việc tìm kiếm thị trường mới trở nên khó khăn. Cần kết hợp với hiệp hội nghề gốm và các cá nhân, tổ chức muốn nghiên cứu tìm hiểu để phát triển ngành nghề, lên kế hoạch nghiên cứu thị trường để phát triển sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng. Cải tiến công nghệ cũng là một trong những yếu tố giúp cho việc mở rộng thị trường dễ dàng hơn do chế tác ra những tác phẩm chất lượng, bóng đẹp và tinh xảo.

(2) Có kế hoạch chuyển đổi công nghệ mới hiện đại hơn, tiết kiệm chi phí và sản xuất hiệu quả: Đây là vấn đề mang tính cấp bách hiện nay để giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tăng cường hiệu quả sản xuất kinh doanh. Sử dụng công nghệ mới bằng lò nung liên hoàn để sử dụng hiệu quả nguồn nguyên liệu chất đốt, tránh lãng phí nguồn tài nguyên. Lò nung liên hoàn Vĩnh Long hoạt động trên nguyên lý liên hoàn. Nhiệt và khói được dẫn từ buồng trước qua khe gạch của vách ngăn đến buồng kế tiếp. Khi buồng thứ nhất trong quá trình nung thì buồng thứ hai đang trong quá trình gia nhiệt và sấy cho các buồng kế tiếp, nhiệt thừa đã được tận dụng tối ưu. Nhiệt và khói cũng được điều khiển dẫn qua hệ thống thu khói và xử lý khói thải đầu ra đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn môi trường qui định (Vũ Ngọc Tú, 2013).

– Giải pháp thích ứng:

(1) Sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên: Cần có những biện pháp chế tài đối với các đối tượng khai thác đất, cát trái phép như xử phạt nặng bằng tiền hay rút giấy phép khai thác,... Quy hoạch lại việc khai thác đất sét ở các tỉnh như Trà Vinh, Tiền Giang, Đồng Tháp trong một khoản thời gian nhất

định để đất được tái tạo lại. Đánh thuế khi khai thác đất sét.

(2) Sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực tại địa phương: Cần ký hợp đồng lao động để người lao động được hưởng đầy đủ các quyền lợi như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Mặc dù, địa phương còn nghèo nhưng chính sách cho người lao động cần tuân thủ theo pháp luật để người lao động không bị thiệt hại về quyền lợi khi họ là một phần tử góp phần phát triển nền kinh tế của địa phương cũng như tỉnh nhà. Thu hút lao động trẻ có trình độ cao về phục vụ tại địa phương và cơ sở, những đối tượng này có thể hoạch định chiến lược lâu dài cho cơ sở, mang những kiến thức mới về phục vụ cho việc phát triển ngành nghề của hộ.

(3) Định vị thương hiệu bằng sự riêng biệt nổi bật của sản phẩm. Tăng cường quảng cáo, quảng bá hình ảnh và chất lượng sản phẩm: Đối với các cơ sở có qui mô lớn cần trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị phục vụ cho việc kinh doanh như máy tính có thể kết nối internet để tìm hiểu xu hướng thị trường, nhu cầu của khách hàng, đặc biệt là khách hàng ngoài tỉnh hay nước ngoài mà chủ cơ sở không thể đến gặp trực tiếp.

Liên kết với các khu du lịch sinh thái miệt vườn tạo điều kiện cho du khách về tham quan cơ sở và có thể cho du khách thử tài chế tạo sản phẩm gạch và gốm tạo sự phấn khởi, thích thú cho du khách. Giải pháp này có thể giúp cho cơ sở quảng bá hoạt động và hình ảnh ra khắp đất nước, thậm chí là nước ngoài.

Nên hỗ trợ mở website cho các cơ sở có qui mô lớn.

– Giải pháp điều chỉnh:

(1) Nâng cao vai trò hiệp hội nghề gạch và gốm, chính quyền đoàn thể: Các hộ nên trình bày những khó khăn, vướng mắc để hiệp hội nghề gạch và gốm có những giải pháp kịp thời tháo gỡ khó khăn cho hộ vì hiệp hội là nơi tiếp xúc trực tiếp và gần gũi nhất đối với các hộ sản xuất gạch và gốm và là trung gian giữa các hộ sản xuất với cơ quan ban ngành, chính quyền địa phương. Hiệp hội cần có báo cáo hàng quý về hoạt động của các thành viên trong hiệp hội cũng như tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ, khuyến khích các hộ gia nhập vào hiệp hội để cùng nhau giúp đỡ, chia sẻ và cùng nhau phát triển.

Hỗ trợ vay vốn kịp thời tháo gỡ khó khăn cho hộ sản xuất.

Giảm thuế cho hộ sản xuất trong giai đoạn khó khăn như hiện nay để cùng nhau vượt qua khủng hoảng.

Gắn kết mối liên hệ giữa các hộ sản xuất để tạo nên một khối sản xuất bền vững và mang thương hiệu riêng biệt.

(2) Học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực quản lý của chủ hộ: Chủ hộ nên chú tâm đến việc học tập và nâng cao trình độ chuyên môn. Vì đó là nền tảng để hộ sản xuất nắm bắt thông tin kịp thời, nâng cao năng lực sản xuất để hội nhập và phát triển. Thường xuyên tham dự các buổi tập huấn của các tổ chức, hiệp hội để phát triển bền vững hoạt động sản xuất kinh doanh.

– Giải pháp phòng thủ:

(1) Cải tiến kỹ thuật sản xuất, liên kết giữa các hộ, cơ sở về qui mô và nguồn lực: Nên có kế hoạch và định hướng cải tiến kỹ thuật, liên kết sản xuất giữa các hộ trong khu vực để tận dụng nguồn lực về cơ sở vật chất và lao động.

(2) Giải pháp về phát triển bền vững- giải pháp về môi trường: Chuyển đổi công nghệ cũng là một trong những hoạt động sản xuất an toàn và bảo vệ môi trường sống. Không xả thải gạch và tro xuống sông bừa bãi gây ô nhiễm nguồn nước. Bồi những bãi sạt lở do tàu ghe ghé và neo đậu thu mua sản phẩm.

Bảng 9: Ma trận SWOT

SWOT	<p>Cơ hội (O)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguồn nguyên liệu đất sét có màu sắc đỏ đặc trưng. 2. Nguồn lao động có kinh nghiệm 3. Thị trường rộng lớn, nhu cầu gạch cao. 4. Cơ hội chuyển đổi công nghệ mới 5. Sự giúp đỡ phát triển của hiệp hội ngành gạch và gốm tỉnh Vĩnh Long. 6. Định hướng phát triển của nhà nước về ngành công nghiệp gạch gốm. 	<p>Đe dọa (T)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguồn nguyên liệu đất và cát bị khai thác ngày càng cạn kiệt 2. Công việc mang tính mùa vụ nên lao động có xu hướng dịch chuyển lên khu vực thành thị tìm kiếm việc làm 3. Thiếu lao động có tay nghề khi có mùa vụ sản xuất 4. Cạnh tranh với các sản phẩm thay thế khác ngày càng gay gắt 5. Cạnh tranh với các doanh nghiệp lớn chuyển đổi công nghệ mới 6. Môi trường bị ô nhiễm ngày càng nghiêm trọng
<p>Điểm mạnh (S)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vị trí địa lý thuận lợi 2. Sản phẩm đặc trưng và riêng biệt 3. Trình độ chuyên môn cao 4. Kinh nghiệm lâu năm 	<p>Giải pháp công kích</p> <p>S1, S2 + O1, O2, O3: Mở rộng thị trường</p> <p>S3, S4 + O4, O5, O6: Có kế hoạch chuyển đổi công nghệ mới hiện đại hơn, tiết kiệm chi phí và sản xuất hiệu quả</p>	<p>Giải pháp thích ứng</p> <p>S1, S2+T1: Sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên.</p> <p>S2+T2, T3: Sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực tại địa phương</p> <p>S3, S4, S5, S6+T4, T5: Định vị thương hiệu bằng sự riêng biệt nổi bật của sản phẩm. Tăng cường quảng cáo, quảng bá hình ảnh và chất lượng sản phẩm.</p>
<p>Điểm yếu (W)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sản xuất với qui mô nhỏ lẻ thiếu sự liên kết ngành 2. Sự thiếu hụt vốn đầu tư 3. Công tác quảng cáo tiếp thị còn yếu 4. Trình độ còn thấp nên chưa có khả năng xuất khẩu trực tiếp 	<p>Giải pháp điều chỉnh</p> <p>W1, W2+O5, O6: Nâng cao vai trò hiệp hội nghề gạch, gốm, chính quyền đoàn thể.</p> <p>W3, W4 +O5, O6: Học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực quản lý của chủ hộ.</p>	<p>Giải pháp phòng thủ</p> <p>W1, W2, W3, W4+T4, T5: Cải tiến kỹ thuật sản xuất, liên kết giữa các cơ sở về qui mô và nguồn lực.</p> <p>W1+T6: Giải pháp về phát triển bền vững- giải pháp về môi trường.</p>

Nguồn: Số liệu điều tra, 2013

5 KẾT LUẬN

Qua phân tích nghiên cứu, tác giả tóm lược lại các kết quả phân tích chính của nghiên cứu như sau:

Về thực trạng sản xuất

Lao động của hộ gồm có 3 nhóm lao động là lao động nhà, lao động thuê chính thức và lao động thuê thời vụ. Trong đó, lao động thuê thời vụ chiếm tỷ lệ lớn. Trình độ học vấn của lao động ở mức thấp, chủ yếu chú trọng trình độ tay nghề.

Nguồn nguyên liệu sản xuất chỉ tập trung ở một số nơi nhất định và được phép khai thác theo qui định của nhà nước. Các địa điểm mà hộ sản xuất thường chọn mua nguồn nguyên liệu trong tỉnh là Trà Ôn, Long Hồ, Tam Bình, Vũng Liêm và Mang Thít, trong đó Tam Bình chiếm tỷ lệ cao nhất và ngoài tỉnh là Tiền Giang, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Trà Vinh, trong đó, Trà Vinh chiếm tỷ lệ cao nhất là 98% và kế đến là Đồng Tháp 82,4%.

Máy móc sử dụng cho hoạt động sản xuất gạch và gôm bao gồm: Máy sản xuất gạch, gôm; xe đẩy; máy bơm nước; thang cuốn; khuôn đúc; xe tải. Riêng đối với việc sản xuất gôm còn sử dụng thêm bàn xoay và máy xoay li tâm.

Về thực trạng tiêu thụ

Hình thức tiêu thụ sản phẩm: đối với sản phẩm gạch, hộ sản xuất chủ yếu bán cho các thương lái ở tại cơ sở vì thuận tiện (66,7%) và thiếu phương chuyên chở (66,7%), ngược lại đối với hộ sản xuất gôm thì hộ sẽ vận chuyển đến tận nơi giao cho khách hàng theo đơn đặt hàng từ trước vì đó là theo thỏa thuận của khách hàng và hộ sản xuất và bán được với giá cao hơn.

Doanh thu và lợi nhuận của hộ sản xuất gôm cao hơn rất nhiều so với doanh thu và lợi nhuận của hộ sản xuất gạch. Cùng nguyên liệu sản xuất và ngành nghề nhưng xét về qui mô thì hộ sản xuất gôm có chi phí nguồn vốn, chi phí đầu tư về cơ sở vật chất cao hơn hộ sản xuất gạch.

Về giải pháp phát triển

Dựa vào kết quả phân tích về thực trạng sản xuất và tiêu thụ của hộ sản xuất gạch, gôm. Tác giả đã đưa ra các giải pháp như: (1) Mở rộng thị trường; (2) Chuyển đổi công nghệ mới hiện đại hơn, tiết kiệm chi phí và sản xuất hiệu quả; (3) Sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên; (4) Sử dụng hiệu

quả nguồn nhân lực tại địa phương; (5) Định vị thương hiệu bằng sự riêng biệt nổi bật của sản phẩm, tăng cường quảng cáo, quảng bá hình ảnh và chất lượng sản phẩm; (6) Nâng cao vai trò của hiệp hội nghề gạch và gôm, chính quyền đoàn thể; (7) Học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực quản lý, của chủ hộ; (8) Cải tiến kỹ thuật sản xuất, liên kết giữa các cơ sở về qui mô và nguồn lực; (9) Giải pháp về phát triển bền vững- giải pháp về môi trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chu Nguyễn Mộng Ngọc và Hoàng Trọng (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. NXB Hồng Đức, TPHCM.
2. Nguyễn Thị Mỹ Linh (2013). *Một số giải pháp phát triển sản xuất kinh doanh của hộ sản xuất gạch và gôm tỉnh Vĩnh Long*, Luận văn Thạc sĩ, Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ.
3. Võ Thị Thanh Lộc, 2010. *Giáo trình phương pháp nghiên cứu và viết đề cương nghiên cứu*. Cần Thơ: NXB Đại học Cần Thơ.
4. Vũ Ngọc Tú, (2013). "Nghiên cứu nung sản phẩm gôm đỏ bằng Lò nung gạch liên hoàn Vĩnh Long", đề tài khoa học cấp tỉnh, Sở Công Thương, tỉnh Vĩnh Long.
5. Mỹ Duyên- Thu Huyền (2015). Giải pháp cho ngành gạch gôm Vĩnh Long, truy cập ngày 08/3/2015, từ <http://xttm.vinhlong.gov.vn/web/guest/tin-trong-tinh>.
6. Nguyễn Vũ Thành Đạt (2014). Gôm đỏ ở Mang Thít, Vĩnh Long, truy cập ngày 08/03/2015, từ <http://khuyencongvinhlong.gov.vn/index.php/tin-tac/101-nhan-hieu/101-lo-gam-a-v-nh-long>
7. Quyết định số 1830/QĐ-UBND ngày 08/11/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch phát triển vật liệu xây không nung đến năm 2020 và lộ trình thay thế lò nung gạch thủ công gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh, truy cập 6/4/2014, từ www.congbaovinhlong.gov.vn.
8. Quyết định số 1831/QĐ-UBND ngày 08/11/2013 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc tổ chức lại ngành sản xuất gạch, gôm trên địa bàn tỉnh, truy cập ngày 8/4/2014, từ www.congbaovinhlong.gov.vn.